CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thép Mê Lin

Ngày 30/09/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.3%	**8.3%**	**1.6%**

DT thuần
Q3/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.0| 41.3%
YoY: ▼41.0| -15.1%

LN thuần
Q3/25
0.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.54| 674%
YoY: ▼0.41| -39.9%

LN sau thuế
Q3/25
0.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.19| -95.4%
YoY: ▼0.67| -69.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.8%
YoY: +/-▼ 6.0%

ROE (TTM)
Q3/25
4.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

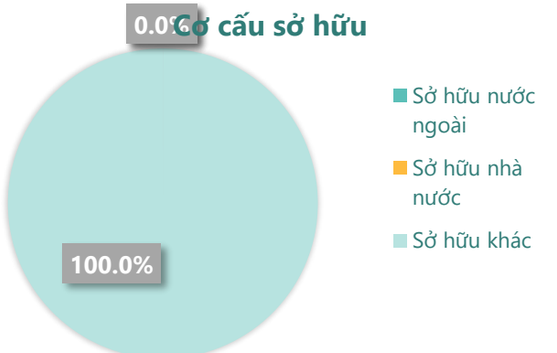
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	98
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.52
EPS	796
P/E	8.2

DT thuần
9T 2025
605
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 1.4%

LN thuần
9T 2025
1.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.54| 44.3%

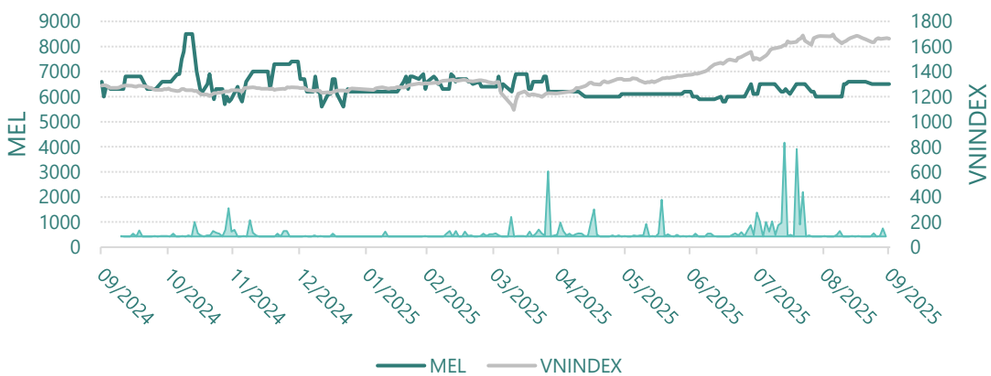
LN sau thuế
9T 2025
7.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.84| 94.9%

Cơ cấu sở hữu

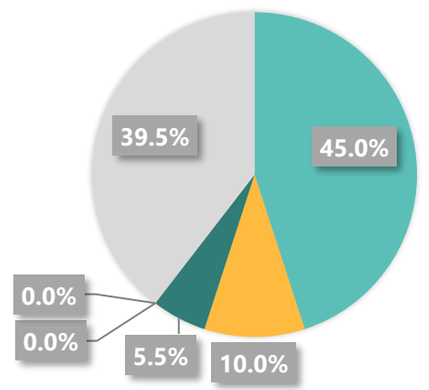


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

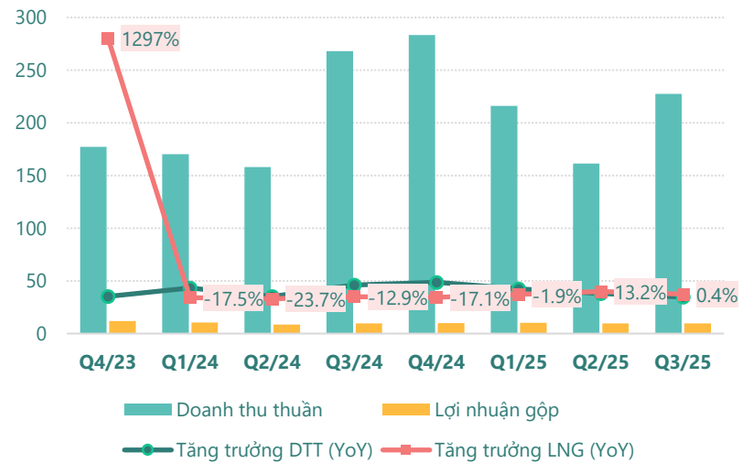


- Lê Thị Hương Giang (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Hồng Minh (Phó Tổng giám đốc)
- Phạm Quang (Tổng giám đốc)
- Lê Minh Hải
- Đỗ Thị Xuân Kiệm (Trưởng ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

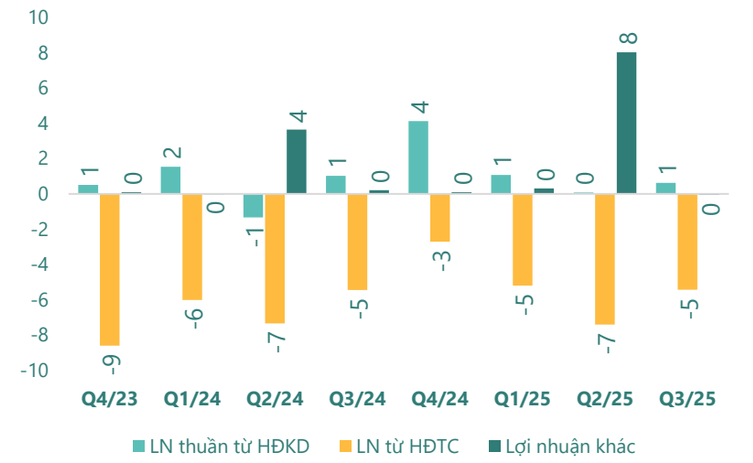
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



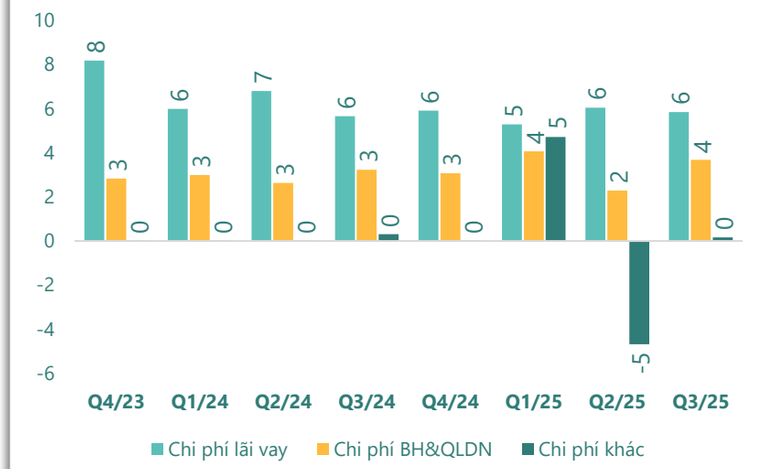
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



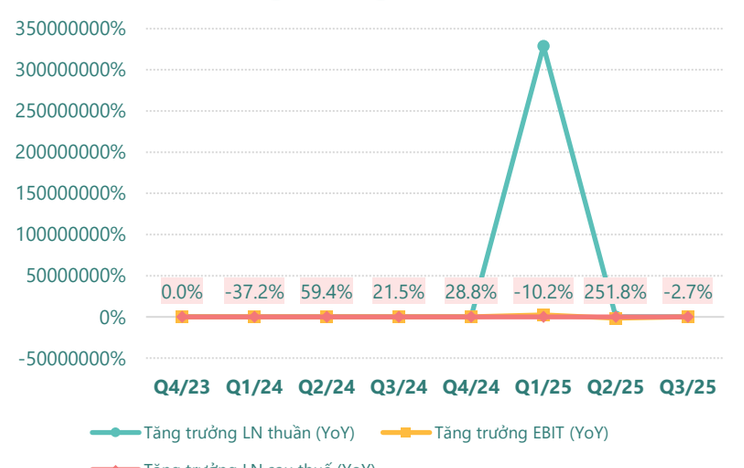
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



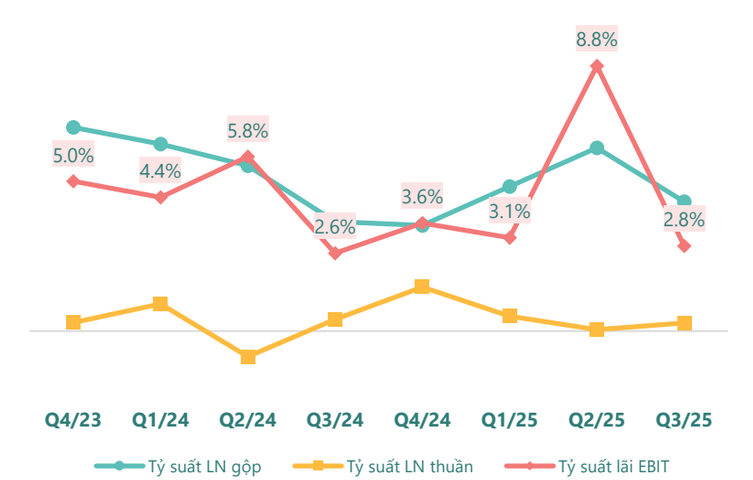
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



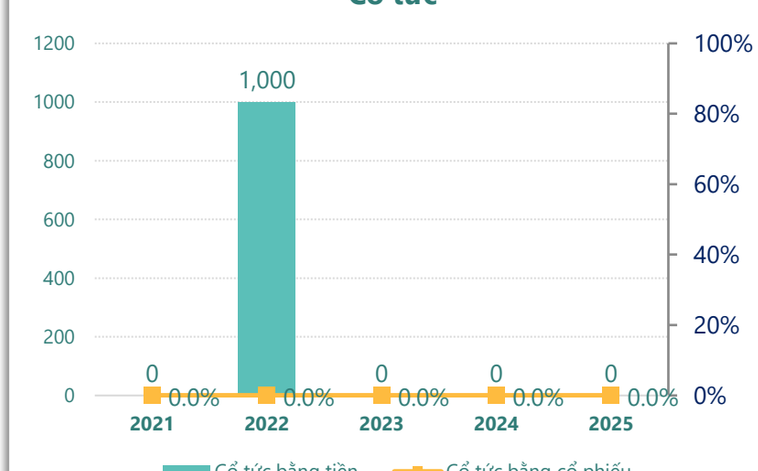
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

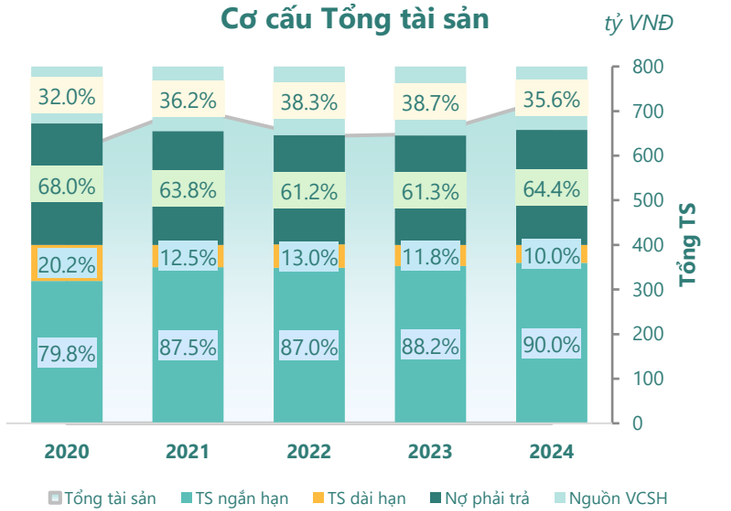
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

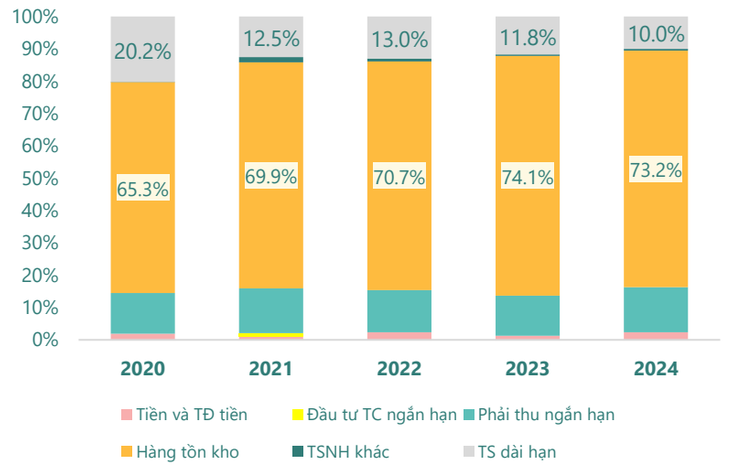
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



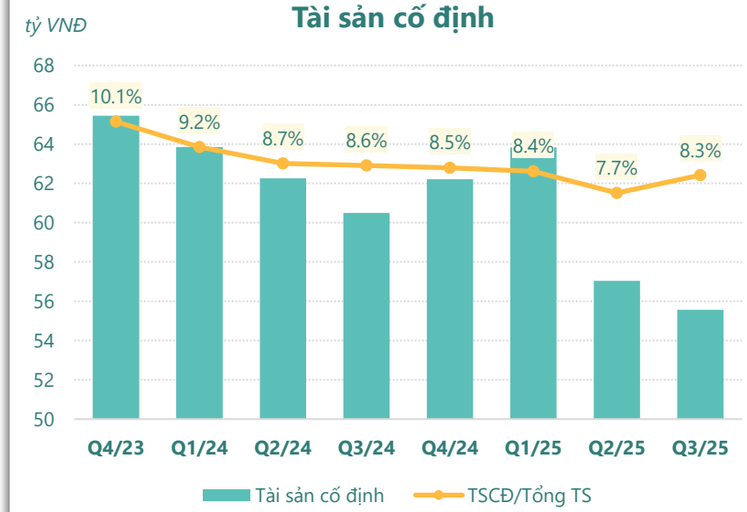
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



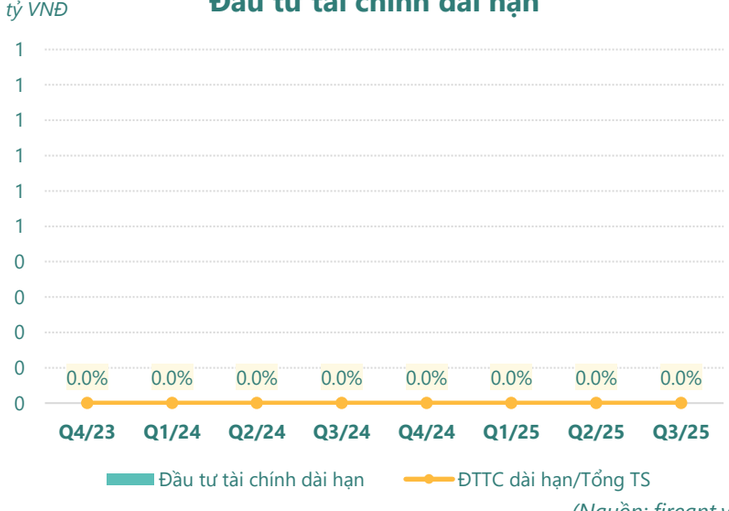
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



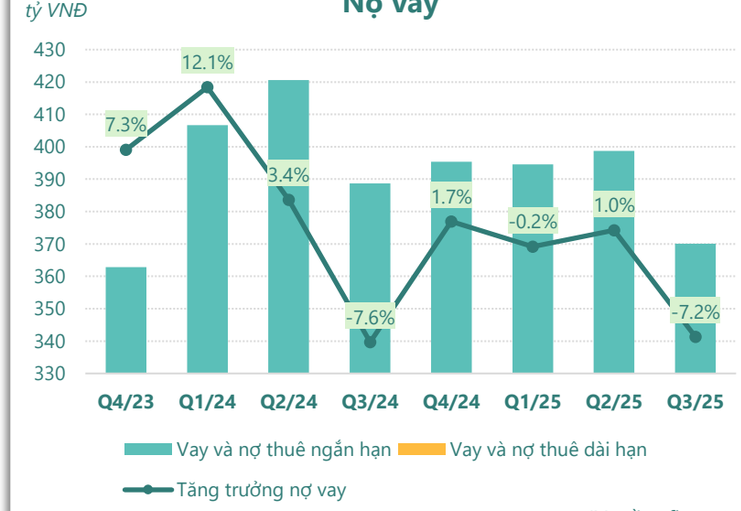
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

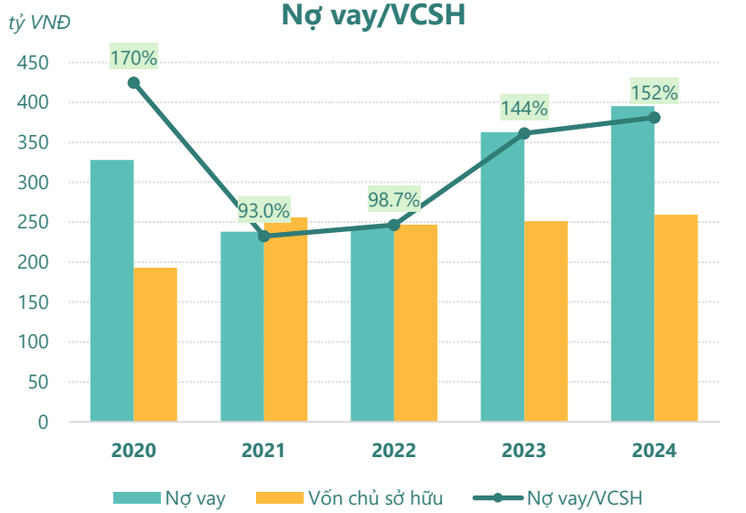
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

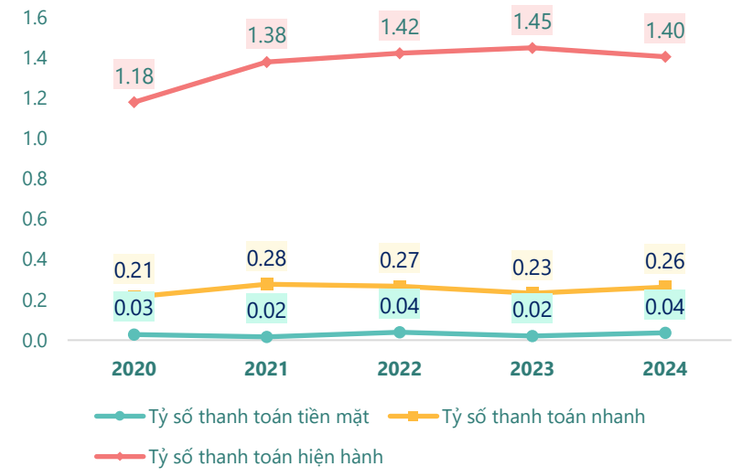
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



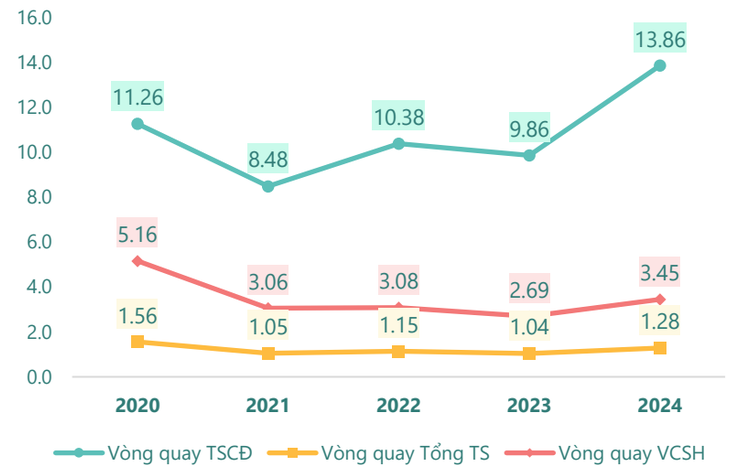
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



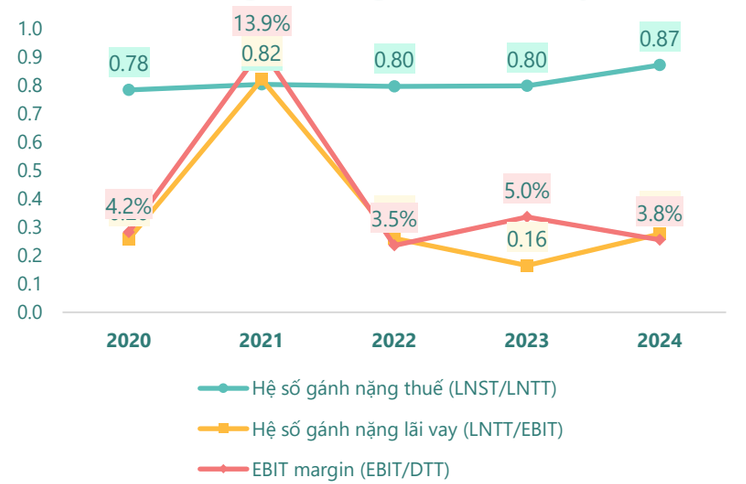
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



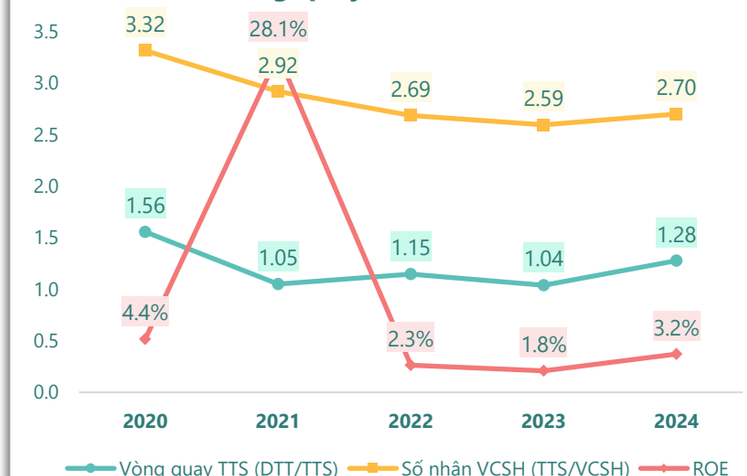
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



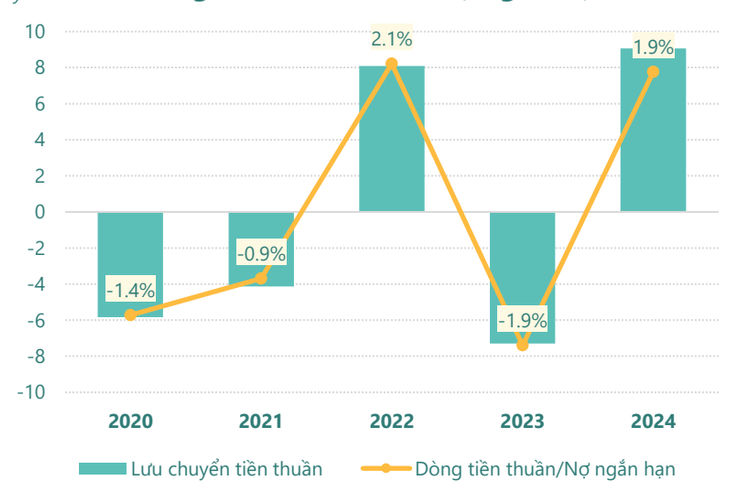
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**227**	**268**	**-15.1%**	**605**	**596**	**1.4%**
Giá vốn hàng bán	218	258	-15.6%	575	568	1.3%
Lợi nhuận gộp	9.73	9.69	0.4%	29.9	28.9	3.4%
Doanh thu HĐTC	0.50	0.22	127%	0.62	0.26	140%
Chi phí TC	5.94	5.66	4.9%	18.7	19.0	-2.0%
Chi phí lãi vay	5.85	5.66	3.3%	17.2	18.5	-6.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.36	0.87	56.1%	3.44	2.48	38.7%
Chi phí QLDN	**2.32**	**2.35**	**-1.3%**	**6.59**	**6.37**	**3.4%**
LN thuần từ HĐKD	0.62	1.03	-39.9%	1.77	1.23	44.3%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**0.22**	**-125%**	**8.28**	**3.86**	**115%**
LN trước thuế	0.56	1.24	-54.6%	10.0	5.09	97.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.30**	**0.97**	**-69.3%**	**7.89**	**4.05**	**94.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.30**	**0.97**	**-69.3%**	**7.89**	**4.05**	**94.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	-0.89	10.7	-1.94	9.92	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.06	0.20	-9.30	-3.14	19.1	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.9	-31.9	6.72	-0.84	4.13	-28.6
Tiền đầu kỳ	7.35	41.7	9.09	17.2	11.3	44.5
Lưu chuyển tiền thuần	**34.3**	**-32.6**	**8.13**	**-5.92**	**33.2**	**-40.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0.01	0
Tiền cuối kỳ	41.7	9.09	17.2	11.3	44.5	3.92

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**672**	**729**	**-7.9%**
Tài sản ngắn hạn	611	656	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	3.92	17.2	-77.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	83.7	102	-17.6%
Hàng tồn kho	522	533	-2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	4.07	-88.3%
Tài sản dài hạn	**61.0**	**72.8**	**-16.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	55.6	62.2	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.44**	**10.6**	**-48.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	404	470	-13.9%
Nợ ngắn hạn	**401**	**467**	**-14.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	370	395	-6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.7	67.8	-66.4%
Nợ dài hạn	2.99	2.66	12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**267**	**259**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**267**	**259**	**3.0%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)